

Công ty CP Bóng đèn Phích nước  
**Rạng Đông**  
\*\*\*

Số 430 /RD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2012

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Tổ chức niêm yết : Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng đông  
Năm báo cáo : 2011

### I- Lịch sử hoạt động của Công ty :

#### 1. Những sự kiện quan trọng :

- + Thành lập : Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông được thành lập theo quyết định số 21/2004/QĐ-BCN ngày 30/3/2004 của Bộ Công nghiệp (Nay là Bộ Công thương)
- + Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần : 15/7/2004
- + Niêm yết : ngày 06/12/2006 tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

#### 2. Quá trình phát triển

##### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bóng đèn, vật tư thiết bị điện, dụng cụ chiếu sáng, sản phẩm thuỷ tinh và các loại phích nước;
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Tư vấn và thiết kế chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp (không bao gồm dịch vụ thiết kế công nghiệp);
- Sửa chữa và lắp đặt thiết bị chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hoá./.

##### 2.2 Tình hình hoạt động :

Hiện nay, năng lực sản xuất của Công ty đạt trên 150 triệu đèn các loại một năm, trên 11 triệu sản phẩm phích nước, hơn 7 triệu sản phẩm thiết bị chiếu sáng, 3 triệu sản phẩm bộ đèn các loại...sản phẩm của Công ty sản xuất đã có thương hiệu trên toàn quốc với hệ thống bán hàng rộng khắp 64 Tỉnh thành, chất lượng sản phẩm do Công ty sản xuất đã được khẳng định trên thị trường.

Liên tục trong các năm 2005, 2006, 2007, 2009, 2010, 2011 Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, được tặng Huy chương vàng tại các Hội chợ

Quốc tế hàng công nghiệp Việt nam , được trao Cúp Thương hiệu nổi tiếng Việt nam ,

chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao, bình chọn trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Thương hiệu Chứng khoán uy tín và Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Công ty có hệ thống thương mại rộng khắp cả nước, bao gồm 05 Văn phòng đại diện, 06 Chi nhánh tại miền Trung và miền Nam, Ban doanh nghiệp và tư vấn chiếu sáng, Ban kỹ thuật & Marketing với hơn 500 nhà phân phối, hơn 6.000 cửa hàng đại lý bán lẻ.

Với phẩn đấu quyết liệt và sức mạnh nội lực của mình, Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông liên tục phát triển với tốc độ cao, ổn định, vững chắc, doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

### **3. Định hướng phát triển :**

#### **3.1- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

Xây dựng Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thành doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực chiếu sáng chất lượng cao, hiệu suất cao, tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường có:

- Nguồn nhân lực mạnh và chuyên nghiệp.
- Hệ thống quản trị tiên tiến trên nền tảng ISO - 9001: 2008.
- Công nghệ sản xuất tiên tiến.
- Dàn sản phẩm chiếu sáng hiện đại, tương đối đồng bộ, đa dạng về chủng loại, mở rộng tính năng và lĩnh vực chiếu sáng, có năng lực tham gia thầu hàng mục chiếu sáng một số loại công trình.
- Thương hiệu uy tín, được tín nhiệm và tin cậy; chủ đạo, dẫn dắt trên thị trường.
- Nâng cao một bước đột biến vật chất, tinh thần, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho CBCNV.

#### **3.2 - Chiến lược phát triển trung và dài hạn :**

Phát triển các sản phẩm chất lượng cao , hiệu suất cao , tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường. Trong ngắn hạn đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực - chiến lược - mũi nhọn của Công ty là các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như compact, dòng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn cao của EC, NA.

- Thực hiện chiến lược đầu tư và phát triển khoa học công nghệ theo định hướng chiến lược phát triển công ty đến 2015.
- Chiến lược thị trường : lấy thị trường trong nước là quyết định, thị trường xuất khẩu là quan trọng.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp.

## **II- Báo cáo của Hội đồng quản trị :**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Hội đồng Quản trị và Cơ quan Tổng giám đốc luôn bám sát diễn biến, chỉ số kinh tế, các chính sách tài chính tiền tệ của Chính phủ, chỉ đạo điều hành quyết liệt, khai thác triệt để thế mạnh của Công ty về triển khai đầu tư và quản trị doanh nghiệp, hệ thống kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm Rạng đông trên thị trường nội địa trong toàn quốc nên kết quả năm 2011 đã tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao và vững chắc, cụ thể :

+ Doanh thu năm 2009 đạt 124%/ KH và tăng trưởng 25,5%/TH 2008

+ Lợi nhuận thực hiện năm 2011 đạt 80.64 tỷ, tăng 46.61% so kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đặt ra .

Các dự án đầu tư được triển khai đúng hướng, đúng tiến độ và sớm được huy động vào khai thác, sử dụng tiết kiệm vật tư .

### **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :**

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kết quả SXKD năm 2011		
			KH 2011 ĐHCĐ phê duyệt	Thực hiện 2011	So sánh TH 2011/ KH 2011
A	B	C	1	2	3
1	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ VND	1 562.00	1 766.29	113.08%
	Trong đó : tiêu thu nội địa	"	1 479.00	1 658.96	112.16%
2	Giá vốn hàng bán	"	1 224.00	1 302.20	106.39%
3	Chi phí hoạt động & tài chính	"	283.00	383.46	135.50%
4	Lợi nhuận trước thuế	"	55.00	80.64	146.61%
5	Lợi nhuận sau thuế	"	41.25	60.48	146.61%

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :**

- Doanh thu tăng 28.94% so với năm 2010 ; công tác thu tiền bán hàng, điều chỉnh hoạt động tài chính và sử dụng dòng tiền hiệu quả,

- Năm 2011 không còn hỗ trợ lãi suất 4%/năm của Chính phủ , lãi suất vay tăng cao nên chi phí tài chính tăng :

Năm 2010 : 72.5 tỷ.

Năm 2011 : 126.43 tỷ.

- Năm 2011 đã tự sản xuất ống thuỷ tinh không chì, giảm một lượng lớn USD nhập khẩu, và tự sản xuất 100% ống đèn CFL mà hiện nay tất cả các doanh nghiệp khác ở Việt Nam đều nhập khẩu và chỉ thực hiện lắp ráp đèn CFL .

Đã chuẩn bị những điều kiện phát triển các sản phẩm mới như đèn LED, đèn cao áp HID.

- Năm 2011 Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng đông đã được các cơ quan quản lý Nhà nước và các Tổ chức xã hội tặng thưởng nhiều danh hiệu, điển hình như :

1) Cờ Thi đua Xuất sắc của Chính phủ năm 2011 (Số 391/QĐ-TTg ngày 17/3/2011)

2) Bằng khen Bộ Công thương về “Chương trình mục tiêu Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả GĐ 2006-2010”

3) Thương hiệu uy tín và sản phẩm chất lượng vàng năm 2010 - Bộ Công thương

4) Thương hiệu “Chứng khoán uy tín” của CIC và NHNNVN

5) Chứng nhận “ Nhãn hiệu nổi tiếng VN” – Cục Sở hữu trí tuệ .

6) Chứng nhận “ Sản phẩm VN tốt nhất 2011 “ và “Hàng VN chất lượng cao 2010” của báo Sài gòn tiếp thị.

7) Chứng nhận “ Sản phẩm công nghiệp chủ lực của Hà nội .

8) Giải thưởng Cúp vàng TOPTEN thương hiệu Việt-ứng dụng KHCN 2011 của Liên hiệp Hội KHKT Việt nam .

9) Tổng cục Hải quan : “ Công ty chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế XNK năm 2010 “

Và rất nhiều danh hiệu khác .

\*. Nguyên nhân :

Hội đồng quản trị, Cơ quan điều hành thực hiện nghiêm túc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, pháp luật Nhà nước, thực hiện việc bàn bạc tập thể, dân chủ, bảo đảm tính minh bạch và công khai được toàn thể CBCNV Công ty, đồng đảo nhà đầu tư, cổ đông tin tưởng và ủng hộ.

Trong sản xuất có những bước tiến bộ rất đáng kể nhờ triển khai toàn diện mô hình quản lý hai cấp, thực hiện cơ chế khoán chi phí giá thành công xưởng tối từng đơn vị, Đồng thời tổ chức Hội thao diễn kỹ thuật - Bình chọn lao động giỏi để thường xuyên tạo động lực, nét mới trong phong trào thi đua toàn Công ty, tạo tâm thế mới cho CBCNV toàn Công ty, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty, nhiều sáng kiến cải tiến trong tiết kiệm vật tư nhiên liệu, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm .

Từ nhận định tương đối chính xác tình hình kinh tế vĩ mô, Ban điều hành chủ trương chớp thời cơ dự trữ vật tư chiến lược khi giá chưa tăng, ổn định các nhà cung cấp lớn trên cơ sở nguồn lực tài chính mạnh được tích luỹ qua 22 năm liên tục làm ăn có lãi, năm sau cao hơn năm trước; và dựa vào chỉ số tín nhiệm cao của Công ty (CIC) đối với các ngân hàng để tranh thủ vay được nguồn vốn với lãi suất thấp hơn thị trường, đã giúp chỉ số giá vốn hàng bán/Doanh thu ngày càng giảm .

Việc tăng giá bán kịp thời và phù hợp đã giúp nguồn vốn được bảo toàn và ngày càng phát triển (tăng từ 1170 tỷ đầu năm 2011 lên 1391 tỷ vào 31/12/2011 , trong đó Vốn chủ tăng từ 433 tỷ lên 448 tỷ và hoàn toàn từ lợi nhuận tích luỹ). Giá bán tăng, nhưng doanh thu vẫn tăng, vẫn giữ được thị trường, thị phần ngày càng phát triển và duy trì được nhịp độ tiêu thụ sản phẩm tốt.

Thêm vào đó là các biện pháp thu hồi vật tư tái sử dụng (như thu hồi bột HQ 3 phổi, thu hồi mảnh thuỷ tinh v.v...); đẩy mạnh xuất khẩu để cân đối ngoại tệ, xây dựng các chương trình bảo dưỡng thiết bị một cách bài bản, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :**

Nâng cao hiệu quả, tính bền vững, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của Công ty, trên cơ sở nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp và đội ngũ, tạo đẳng cấp mới cho thương hiệu Rạng đông, tính năng động và khả năng thích ứng trong thời kỳ mới nhằm phát triển thị phần thị trường sản phẩm Rạng đông .

- Phát triển các sản phẩm mũi nhọn chiến lược là các loại nguồn sáng và thiết bị chiếu sáng chất lượng cao, hiệu suất cao, tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường; Tiếp cận từng bước các nguồn sáng hiện đại như LED, HID.

- Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển. Nâng cao hình ảnh Công ty trên thị trường chứng khoán, thu hút nguồn vốn của các nhà đầu tư, tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty một cách tối ưu phục vụ đầu tư phát triển.

Phối hợp việc đầu tư phát triển tại hai cơ sở sản xuất của Công ty, khai thác hiệu quả mặt bằng cơ sở 1 (tại Hạ Đình , Hà nội) và phát huy các lợi thế cơ sở 2 (tại Khu CN Quế võ Bắc ninh). Các bước đầu tư cần tính tới chiến lược phát triển Công ty lâu dài, đón nhận được xu hướng chuyển dịch công nghệ từ các nước phát triển đón nhận được xu hướng thay đổi nhanh về sản phẩm của thị trường và bảo đảm tính ổn định bền vững của Công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển RD, thực sự đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty .

- Phát triển bằng chất lượng và hiệu quả. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hiện đại hoá từng bước quản trị doanh nghiệp và nâng cao trình độ nguồn nhân lực.

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc Công ty .

- Coi thị trường trong nước có vai trò quyết định; coi mở rộng thị trường xuất khẩu có vai trò quan trọng để tăng doanh số và tác động tích cực trở lại đối với nhiệm vụ phát triển thị phần nội địa.

- Coi việc phát huy nội lực có vai trò quyết định. Tận dụng khả năng hợp tác với các nguồn lực bên ngoài và coi đó là nguồn lực quan trọng (hợp tác khoa học công nghệ với các Viện, các trường Đại học trong nước và nước ngoài. Thực hiện các chương trình dự án quốc gia; Tranh thủ kinh nghiệm của các Cổ đông lớn; Vận dụng quản trị doanh nghiệp hiện đại, xây dựng Quy chế nội bộ quản trị Công ty phù hợp với Công ty đại chúng; Liên kết với các cơ sở vệ tinh bên ngoài để đa dạng và đồng bộ hóa sản phẩm).

- Nâng cao trình độ nguồn nhân lực, tổ chức tốt đội ngũ, con người được hoạt động trong cơ chế thích hợp và trong một cộng đồng đồng thuận.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng Rạng Đông Anh hùng  
- Có Bác Hồ thấm đậm truyền thống anh hùng, nhân văn và bao dung Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, rèn luyện các phẩm chất yêu nghề, yêu Công ty, đoàn kết, có chí tiến thủ, làm chủ khoa học công nghệ, sáng tạo, sống có đạo lý, tôn trọng kỷ cương, có tác phong công nghiệp, hết lòng bảo vệ tôn vinh thương hiệu Rạng Đông quyết tâm triển khai thực hiện thành công chiến lược phát triển Công ty.

### **III- Báo cáo của Ban Giám đốc :**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính :**

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :

+ Doanh thu/Tổng tài sản	:	1,26 lần
+ Doanh thu/ Vốn chủ	:	3,9 lần
+ Chỉ số ROE	:	13,5%
+ Chỉ số ROA	:	4,35%
+ Chỉ số EPS	:	5 259.05 đồng
+ Hệ số thanh toán hiện tại	:	1,2 lần

- Kết quả Doanh thu và Lợi nhuận tăng nhiều so với kế hoạch .

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2011 : 38 953 đồng/cổ phiếu, tăng 4,86 % so với năm 2010

- Vốn góp cổ đông : Không thay đổi

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : - Cổ phiếu thường : 11.500.000 CP  
- Cổ phiếu ưu đãi : 0

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành : Không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 11.500.000 CP RAL

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không có

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : 34.5 tỷ đồng

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

2.1/ Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 06/05/2011 giao nhiệm vụ cho Cơ quan điều hành các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 như sau :

- Doanh thu bán hàng & CCDV : 1 562 tỷ đồng
- Trong đó : Nội địa : 1 479 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 55 tỷ đồng.
- Phản đầu mức cổ tức năm 2011 là 30% trong điều kiện đã hết ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 2.2. Kết quả thực hiện :

- Doanh thu đạt : 1 766,29 tỷ, tăng 13.08% so kế hoạch và tăng 28.93% so năm 2010.

Tr.đó : Doanh thu nội địa 1 658.96 tỷ

- Doanh thu xuất khẩu 107.31 tỷ đạt 129.29% so kế hoạch và tăng 27.55% so với 2010.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 80.64 tỷ, tăng 46.61% so kế hoạch.
- Bảo đảm tỷ lệ cổ tức năm 2011 thanh toán bằng tiền mặt : 30%.

### 3. **Những tiến bộ Công ty đã đạt được :**

Sau hơn hai mươi năm đổi mới (1990-2011), đặc biệt sau hơn 7 năm chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (2004-2011) vị thế Công ty, uy tín Thương hiệu, hệ thống phân phối, thế và lực, quy mô và trình độ kỹ thuật, quá trình tái cấu trúc Công ty đã đạt được những thành tựu quan trọng, làm cơ sở và tiền đề cho Công ty bước vào thời kỳ mới.

Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển, làm hạt nhân quy tụ tri thức khoa học - công nghệ trong, ngoài nước, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tranh thủ các dự án phát triển khoa học công nghệ trong Công ty.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trong Công ty đã có nhiều đóng góp tích cực, từng bước thực hiện việc đào tạo và lôi cuốn được lực lượng khoa học công nghệ trong Công ty tham gia tác động trực tiếp vào sản xuất kinh doanh nâng được giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hoá Công ty sản xuất .

Xây dựng nguồn nhân lực mạnh và chuyên nghiệp trên nền tảng Hệ thống quản lý tiên tiến ISO - 9001 : 2008 , có những biện pháp cụ thể triển khai có hiệu quả thiết thực tham gia tác động trực tiếp vào quá trình sản xuất - kinh doanh

Hoàn thành việc tổ chức lại các phòng, xây dựng chức năng nhiệm vụ, bước đầu hình thành việc phân công nhiệm vụ, hướng dẫn công việc, kiểm tra đánh giá và đặc biệt hình dung được yêu cầu hoạt động các phòng trong mô hình hai cấp là bước đầu quan trọng.

Nâng cao một bước việc kiểm soát quá trình sản xuất , triển khai thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ trên nền tảng của hệ thống ISO 9001: 2008 và Hệ thống quản lý chất lượng Châu Âu EFQM .

Hiện đại hoá lò thuỷ tinh sôđa , phát triển công nghệ, năng lực và chủng loại sản phẩm chủ lực - chiến lược - mũi nhọn CFL .

Nhờ tự sản xuất ống thuỷ tinh không chì, giảm bớt một lượng lớn USD nhập khẩu, và từ năm 2011 tự sản xuất 100% ống đèn CFL mà hiện nay tất cả các doanh nghiệp khác ở Việt Nam đều nhập khẩu và thực hiện lắp ráp.

Đã chuẩn bị những điều kiện phát triển các sản phẩm mới như đèn LED, đèn cao áp HID.

## 5. Kế hoạch năm 2012 :

### 5.1- Phương hướng 2012.

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả, tăng tốc quá trình chuyển hướng từ tăng trưởng nhanh sang chú trọng chất lượng, hiệu quả và bền vững dựa trên nguồn nhân lực mạnh và từng bước tiến tới chuyên nghiệp, trên nền tảng phát triển khoa học - công nghệ và hệ thống quản trị tiên tiến, từng bước đưa tri thức thành động lực chủ yếu của phát triển nhanh và bền vững.

### 5.2 - Mục tiêu cụ thể :

Nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm hiện có. Chuẩn bị tích cực các điều kiện để có thể tham gia các phân khúc chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao hơn như thiết kế các sản phẩm chiếu sáng hiện đại và phân khúc marketing, bán hàng .

Tốc độ tăng trưởng các sản phẩm giữ mức tăng 10%, riêng sản phẩm chủ lực - chiến lược - mũi nhọn CFL tăng 15% nhằm tập trung nguồn lực thực hiện bước ngoặt chuyển hướng phát triển.

Dự kiến kế hoạch 2012 kèm theo.

### 5.3- Các giải pháp chủ yếu :

Thực hiện tái cấu trúc toàn diện Công ty theo định hướng chiến lược đã nêu từ 2011-2016 .

Đầu tư cơ sở vật chất và tri thức khoa học - công nghệ xây dựng các dây chuyền có công nghệ sản xuất tiên tiến. Phát triển Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển, làm hạt nhân quy tụ tri thức khoa học - công nghệ trong, ngoài nước, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tranh thủ các dự án phát triển khoa học công nghệ trong Công ty.

Hướng dẫn, đào tạo, lôi cuốn đội ngũ khoa học - công nghệ trong Công ty tham gia đóng góp có hiệu quả vào quá trình sản xuất - kinh doanh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Thông qua Hội thao diễn kỹ thuật bình chọn lao động giỏi, thông qua các báo cáo chuyên đề đưa tri thức khoa học - công nghệ tác động trực tiếp quá trình sản xuất - kinh doanh.

Thực hiện chuyển hướng phát triển Công ty với khâu đột phá chiến lược là xây dựng nguồn nhân lực mạnh và chuyên nghiệp trên nền tảng hệ thống quản trị tiên tiến với tri thức tổ chức bộ máy, tri thức quản trị doanh nghiệp và tri thức khoa học - công nghệ , làm động lực chủ yếu để phát triển bền vững

Chuyển từ tăng trưởng nhanh sang chú trọng chất lượng, hiệu quả và bền vững, từ phát triển thô sang tinh, từ lượng sang chất, theo đó không quá chú trọng

tăng trưởng bằng mọi giá, phát triển phù hợp với xu thế chung của thời đại “ nhỏ hơn, nhẹ hơn , hiệu quả hơn và thân thiện với môi trường”

Xây dựng dàn sản phẩm phổ biến - đặc trưng, kết hợp nhu cầu tiêu thụ trước mắt và lâu dài với dòng sản phẩm trung bình và chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và nhu cầu phát triển trong tương lai, tiếp tục tạo điều kiện từng bước phát triển sản phẩm LED, HID trong vài năm tới chiếm tỷ trọng nhất định trong doanh thu Công ty, chú ý không để ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ.

Đẩy mạnh xuất khẩu đèn tròn và đèn huỳnh quang là loại sản phẩm thuộc diện phải thực hiện lộ trình cắt giảm từng bước .

Thực hiện xuất khẩu CFL và sản phẩm thuỷ tinh. Trước mắt giải quyết một phần khó khăn ngoại tệ, lâu dài là con đường phát triển quan trọng của Công ty.

Tập trung nâng cao trình độ kế hoạch hoá và trình độ quản trị doanh nghiệp.

Xây dựng các đề án phát triển thương hiệu, phát triển sản phẩm mới, phát triển HID, LED, phát triển kênh tiêu thụ hiện đại và hộ tập trung. Tổ chức thảo luận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động toàn Công ty.

Tập trung giải quyết cơ chế khuyến khích lao động quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ ở khối phòng ban và bộ máy các Xưởng giải quyết các cơ chế thích hợp theo từng loại lao động.

5.4- Trên tinh thần đó, các chỉ tiêu chủ yếu định hướng điều hành kế hoạch sản xuất - kinh doanh 2012 đề trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	% so sánh KH2012/TH2011
A	B	C	1	2	3
1	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ VNĐ	1 747,7	1 922	110%
2	Giá vốn hàng bán	-	1 302	1 491	114,5%
3	Chi phí hoạt động và tài chính	-	383	405	105,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	-	80,6	50	62,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	-	60	37,5	62,5%
6	Mức cổ tức trên vốn điều lệ		30%	30%	

Trong lợi nhuận trước thuế năm 2011, có 29,6 tỷ do được hoàn thuế nhập khẩu .

**IV- Báo cáo tài chính :** Trình bày chi tiết trong bộ Báo cáo tài chính năm 2011 kèm báo cáo.

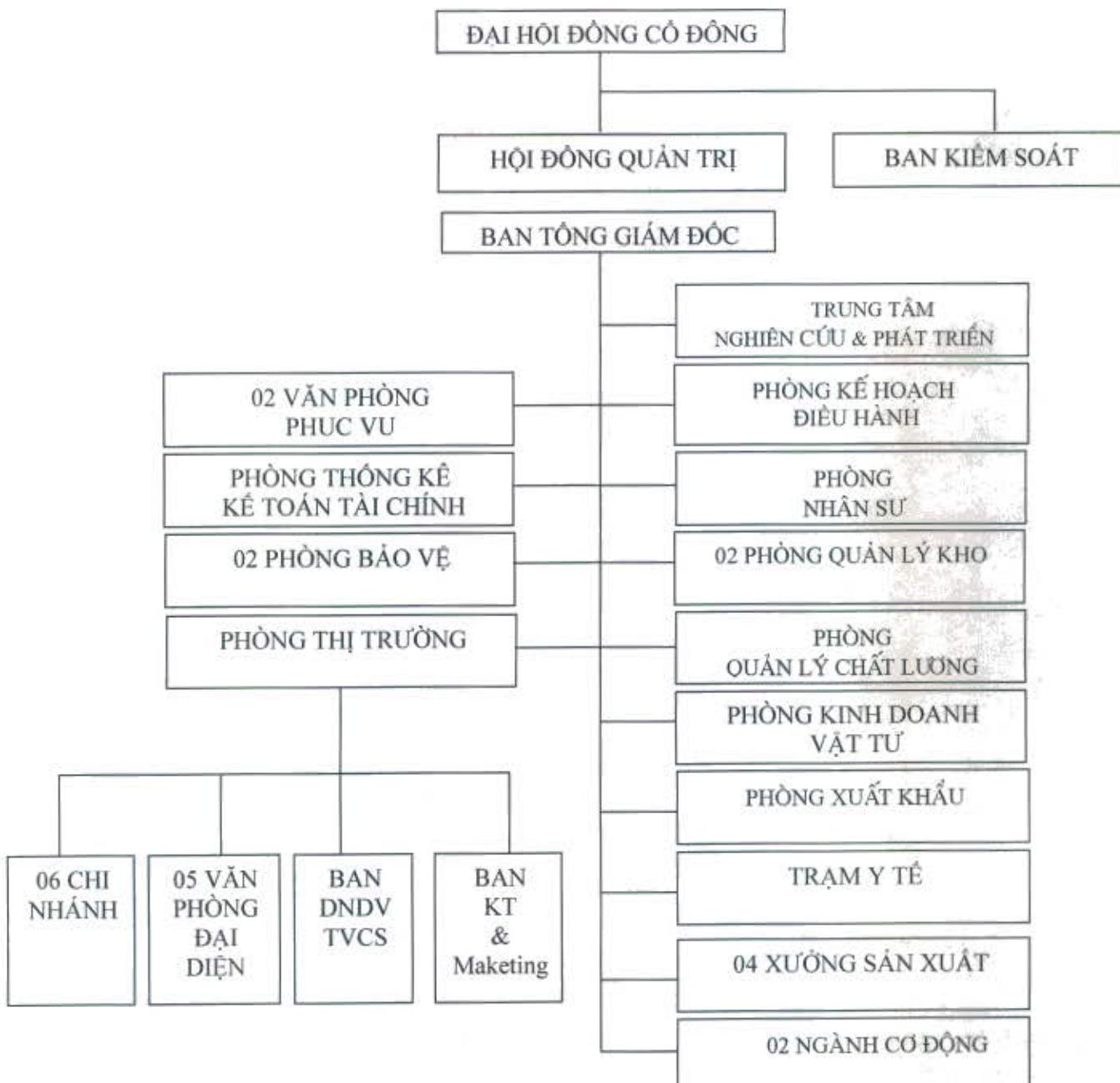
## V- Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán :

### VI- Các công ty có liên quan :

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Tổ chức phát hành : Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Tổ chức phát hành nắm giữ : Không có
- Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan : Không có

## VII- Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của Công ty



- Lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành : trình bày chi tiết và không thay đổi so với Cáo Bạch trên website.

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc điều hành trong năm) : Không thay đổi
- Quyền lợi của Ban Giám đốc : Theo Quy chế quản trị Công ty niêm yết đã báo cáo và không có thay đổi gì .
- Số lượng cán bộ CNLĐ : 3 120 người
- Chính sách đối với người lao động : Tổ chức Công đoàn Công ty đại diện cho CBCNLĐ tham gia vào việc quản lý giám sát mọi hoạt động trong sản xuất kinh doanh, việc làm và đời sống , thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến

kỹ thuật, hợp lý hoá, góp phần tích cực trong việc tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống vật chất tinh thần, thực hiện chế độ BHXH, BHYT. Hiệu quả SXKD là căn cứ chủ yếu để giải quyết thu nhập và đời sống CBCNLĐ

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng : Không thay đổi

### VIII- Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và quản trị Công ty

#### 1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Bà Ngô Ngọc Thanh	1953	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Đoàn Thăng	1943	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
3	Ông Vương Bích Sơn	1950	Uỷ viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
4	Ông Lê Quốc Khánh	1959	Uỷ viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
5	Ông Lê Đăng Doanh	1942	Uỷ viên HĐQT độc lập

- Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Bà Đỗ thị Hồng Liên	1957	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Đỗ thị Huệ	1959	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Bùi Xuân Hịnh	1959	Thành viên Ban kiểm soát

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : Theo Điều lệ Công ty

- Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành : Theo Điều lệ Công ty

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT : Theo Điều lệ Công ty
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : Theo Điều lệ Công ty
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty :
  - + Tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc Công ty .
  - + Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo dưới nhiều hình thức.
  - + Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ của Trung tâm Nghiên cứu phát triển RD thực sự đóng góp vào hiệu quả SXKD chung của Công ty .
  - + Xây dựng chức năng nhiệm vụ, nề nếp làm việc , quản lý bằng bộ máy, triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ trên nền tảng Hệ thống quản lý ISO 9001-2008 và Hệ thống quản lý chất lượng Châu Âu EFQM .
  - + Chú trọng công tác tư tưởng, vận động giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm, động viên tinh thần và khuyến khích vật chất thoả đáng đối với CBCNLĐ từ hiệu quả SXKD của Công ty và sự đóng góp công sức , trí tuệ, thời gian của từng CBCNLĐ, đặc biệt đối với lực lượng lao động khung , cán bộ CNV chủ chốt .
  - + Phấn đấu nâng cấp Thương hiệu Rạng Đông từ được nhiều người biết đến, nổi tiếng quốc gia thành Thương hiệu đẳng cấp ở Việt Nam.
  - + Phát triển thị trường : Thị trường trong nước là quyết định, thị trường xuất khẩu là quan trọng.
  - + Hoàn chỉnh hệ thống thông tin, nâng cao tính kịp thời, chính xác, khoa học, phục vụ hiệu lực và hiệu quả công tác quản trị và điều hành Công ty .
- Thủ lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát, thư ký HĐQT

Chủ tịch, phó chủ tịch :	3.000.000 đ x 12 tháng x 2 = 72.000.000 đ
3 Ủy viên HĐQT :	2.500.000 đ x 12 tháng x 3 = 90.000.000 đ
Trưởng ban kiểm soát :	1.800.000 đ x 12 tháng x 1 = 21.600.000 đ
2 thành viên Ban KS :	1.500.000 đ x 12 tháng x 2 = 36.000.000 đ
Thư ký HĐQT :	1.500.000 đ x 12 tháng x 1 = <u>18.000.000 đ</u>
	Tổng cộng : 237.600.000 đ

(Đã bao gồm nộp 10% thuế thu nhập cá nhân)

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 5/5
- Số lượng thành viên, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 3/3
- Số lượng thành viên Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 4/4

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

Bà Ngô Ngọc Thanh	- Chủ tịch	: 0,514%
Ông Nguyễn Đoàn Thăng	- Phó chủ tịch	: 1,063%
Ông Lê Đăng Doanh	- Uỷ viên (TV độc lập)	: 0%
Ông Lê Quốc Khánh	- Uỷ viên	: 0,19%
Ông Vương Bích Sơn	- Uỷ viên	: 0,19%

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không có

- Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan : Không có

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn :**

**2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước :**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước :

Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) : 2.364.367 CP (20,56%)

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn : không có .

**2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập :**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập :

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp theo đăng ký lần đầu ngày 15/7/2004 (Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 30/6/2008, danh sách cổ đông sáng lập bao gồm :

- Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

- 1572 cổ đông khác

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN  
PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG**

*Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
(Đã được kiểm toán)*

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-5
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIÊM TOÁN	6-25
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	10-25



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (sau đây gọi tắt là ‘Công ty’) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 21/2004/QĐ – BCN ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thành Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.

Công ty hoạt động Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 01003004893 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 6 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 đồng, được chia thành 11.500.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phố Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bóng đèn, vật tư thiết bị điện, dụng cụ chiếu sáng, sản phẩm thủy tinh và các loại phích nước;
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyên giao công nghệ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Tư vấn và thiết kế chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sửa chữa, lắp đặt thiết bị chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

Công ty có các chi nhánh sau:

- 1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- 2 Chi nhánh Cần Thơ
- 3 Chi nhánh Khánh Hòa
- 4 Chi nhánh Đà Nẵng
- 5 Chi nhánh Biên Hoà
- 6 Chi nhánh Tiền Giang
- 7 Trung tâm kinh doanh dịch vụ chiếu sáng TP HCM
- 8 Công trình mở rộng nhà máy Phích nước Rạng Đông

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Bà :	Ngô Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Đoàn Thăng	Phó chủ tịch
Ông :	Vương Bích Sơn	Ủy viên
Ông :	Lê Quốc Khanh	Ủy viên
Ông :	Lê Đăng Doanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Nguyễn Đoàn Thăng	Tổng Giám đốc
Bà :	Ngô Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Vương Bích Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Lê Quốc Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Bà :	Đỗ Thị Hồng Liên	Trưởng ban
Bà :	Đỗ Thị Huệ	Thành viên
Ông :	Bùi Xuân Hĩnh	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*TP Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012*





Số : 49/2012/BC.TC-AASC.KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
của Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bàn thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Công ty không trích khấu hao đối với những tài sản trong thời gian không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tổng số tiền theo ước tính của kiểm toán viên là 8 tỷ đồng.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tinh hình tài chính của Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)



Chứng chỉ KTV số : 0285/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

HOÀNG THỊ THU HƯƠNG  
Chứng chỉ KTV số : 0899/KTV

## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
100	<b>A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>1.084.794.839.871</b>	<b>814.868.943.199</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	<b>161.857.260.495</b>	<b>39.664.045.589</b>
111	1. Tiền		79.857.260.495	39.664.045.589
112	2. Các khoản tương đương tiền		82.000.000.000	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>100.480.676.162</b>	<b>103.489.059.182</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		64.348.478.002	78.497.309.138
132	2. Trả trước cho người bán		37.976.209.202	27.039.034.127
135	5. Các khoản phải thu khác	V.2	4.081.075.342	3.877.802.301
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(5.925.086.384)	(5.925.086.384)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.3	<b>815.116.183.398</b>	<b>659.792.323.771</b>
141	1. Hàng tồn kho		815.116.183.398	659.792.323.771
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.340.719.816</b>	<b>11.923.514.657</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		117.000.000	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.197.156	1.587.751.736
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.4	-	3.456.449.415
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	7.190.522.660	6.879.313.506
200	<b>B . Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>		<b>315.156.154.658</b>	<b>355.140.774.382</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>31.744.325.756</b>	<b>72.388.667.930</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		31.744.325.756	72.388.667.930
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>276.159.591.737</b>	<b>279.139.495.073</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	270.607.466.076	259.927.506.676
222	- Nguyên giá		539.967.665.818	510.496.753.859
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(269.360.199.742)	(250.569.247.183)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	4.347.139.733	4.474.729.253
228	- Nguyên giá		4.921.944.479	4.921.944.479
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(574.804.746)	(447.215.226)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	1.204.985.928	14.737.259.144
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.252.237.165</b>	<b>3.612.611.379</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	6.736.269.677	3.409.111.379
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.10	515.967.488	203.500.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>1.399.950.994.529</b>	<b>1.170.009.717.581</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		942.602.644.804	736.419.867.400
310	I. Nợ ngắn hạn		885.898.581.862	669.042.629.475
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.11	756.942.827.329	563.885.421.204
312	2. Phải trả cho người bán		55.541.591.579	30.997.357.945
313	3. Người mua trả tiền trước		10.336.265.036	10.263.405.549
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	14.802.369.612	4.486.045.333
315	5. Phải trả người lao động		28.194.965.360	28.433.456.817
316	6. Chi phí phải trả	V.13	6.657.371.595	629.517.269
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	10.380.380.659	13.738.664.667
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		3.042.810.692	16.608.760.691
330	II. Nợ dài hạn		56.704.062.942	67.377.237.925
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.15	56.645.162.194	67.364.954.530
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		58.900.748	12.283.395
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		457.348.349.725	433.589.850.181
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.16	457.348.349.725	433.589.850.181
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		115.000.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		175.056.500.000	175.056.500.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		787.241.737	5.990.402.944
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		112.903.393.402	58.768.704.756
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.839.553.835	10.839.553.835
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.761.660.751	67.934.688.646
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>1.399.950.994.529</b>	<b>1.170.009.717.581</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>				
		<b>ĐVT</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.415.255.298	2.415.255.298
	5. Ngoại tệ các loại	USD	323.178,46	645.514,25
		EUR	407.275,43	443,69
		JPY	33.000,00	33.000,000

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

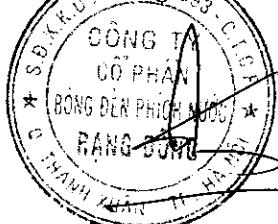
Người lập biếu

Chu Thị Khuyên

Kế toán trưởng

Hoàng Trung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đoàn Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2011**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.17	1.748.450.895.252	1.369.867.081.862
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.18	764.919.633	7.052.105.986
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	1.747.685.975.619	1.362.814.975.876
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.20	1.300.170.025.096	1.076.731.676.391
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		447.515.950.523	286.083.299.485
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.21	7.155.865.292	6.146.769.977
22	7. Chi phí tài chính	VI.22	128.711.022.340	75.901.670.891
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		104.429.816.914	49.035.227.535
24	8. Chi phí bán hàng		153.971.056.402	125.397.903.471
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		90.067.212.311	42.582.442.507
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		81.922.524.762	48.348.052.593
31	11. Thu nhập khác	VI.23	29.724.176.994	703.684.164
32	12. Chi phí khác	VI.24	31.631.154.088	
40	13. Lợi nhuận khác		(1.906.977.094)	703.684.164
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80.015.547.668	49.051.736.757
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	20.003.886.917	12.270.434.189
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60.011.660.751	36.781.302.568
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.26	<u>5.218</u>	<u>3.198</u>

Người lập biểu

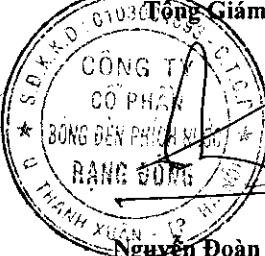
Chu Thị Khuyên

Kế toán trưởng

Hoàng Trung

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đoàn Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<i>thuế</i>		<b>80.015.547.668</b>	<b>49.051.736.757</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>177.378.675.197</b>	<b>89.209.458.492</b>
02	- Khấu hao TSCĐ		47.170.102.373	42.558.765.853
03	- Các khoản dự phòng		-	1.552.036.210
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		25.778.755.910	(3.936.571.106)
06	- Chi phí lãi vay		104.429.816.914	49.035.227.535
08	<b>3. Lợi nhuận từ HD kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>257.394.222.865</b>	<b>138.261.195.249</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.652.725.194	(22.865.670.983)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(155.323.859.627)	(165.532.506.352)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay		13.337.683.249	(13.391.966.751)
11	phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.444.158.298)	(982.866.938)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(101.361.636.907)	(50.152.137.243)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.108.137.143)	(13.757.150.223)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		38.658.570.477	8.266.249.815
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.640.612.290)	(12.981.954.988)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>55.164.797.520</b>	<b>(133.136.808.414)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(89.870.985.570)	(61.548.154.005)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác			144.666.364
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.611.789.167	3.936.571.106
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(84.259.196.403)</b>	<b>(57.466.916.535)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.377.177.897.800	997.795.692.031
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.194.840.284.011)	(873.749.233.364)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.050.000.000)	(23.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>151.287.613.789</b>	<b>101.046.458.667</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>122.193.214.906</b>	<b>(89.557.266.282)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>39.664.045.589</b>	<b>129.159.176.518</b>
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ			62.135.353
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>161.857.260.495</b>	<b>39.664.045.589</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chu Thị Khuyên

Hoàng Trung

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Đoàn Thắng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 21/2004/QĐ – BCN ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thành Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.

Công ty hoạt động Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 01003004893 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 6 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 đồng, được chia thành 11.500.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phố Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

Công ty có các chi nhánh sau:

- 1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- 2 Chi nhánh Cần Thơ
- 3 Chi nhánh Khánh Hòa
- 4 Chi nhánh Đà Nẵng
- 5 Chi nhánh Biên Hoà
- 6 Chi nhánh Tiền Giang
- 7 Trung tâm kinh doanh dịch vụ chiếu sáng TP HCM
- 8 Công trình mở rộng nhà máy Phích nước Rạng Đông

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bóng đèn, vật tư thiết bị điện, dụng cụ chiếu sáng, sản phẩm thủy tinh và các loại phích nước;
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Tư vấn và thiết kế chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sửa chữa, lắp đặt thiết bị chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tồn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị nguyên liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau.

- Nhà xưởng	20 – 25	Năm
- Nhà làm việc	10	Năm
- Máy móc, thiết bị	6	Năm
- Phương tiện vận tải	6	Năm
- Thiết bị văn phòng	5 – 6	Năm

Công ty không trích khấu hao đối với những tài sản trong thời gian không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về báo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	3.178.522.688	4.889.228.717
Tiền gửi ngân hàng	76.678.737.807	34.690.354.232
Tiền đang chuyển	-	84.462.640
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng)	82.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>161.857.260.495</u></b>	<b><u>39.664.045.589</u></b>
<b>2 . Các khoản phải thu khác</b>		
Chi phí cổ phần hóa	201.868.000	201.868.000
Phải thu khác	3.879.207.342	3.675.934.301
<b>Cộng</b>	<b><u>4.081.075.342</u></b>	<b><u>3.877.802.301</u></b>
<b>3 . Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	350.357.903.605	334.664.354.422
Công cụ, dụng cụ	739.352.644	328.015.713
Chi phí SXKD dở dang (*)	54.219.598.515	47.024.409.768
Thành phẩm	409.799.328.634	277.550.301.651
Hàng gửi đi bán	-	225.242.217
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>815.116.183.398</u></b>	<b><u>659.792.323.771</u></b>
<b>4 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>		
Thuế TNDN	-	3.456.449.415
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.456.449.415</u></b>
<b>5 . Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thiểu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	7.180.822.660	6.879.313.506
<b>Cộng</b>	<b><u>7.190.522.660</u></b>	<b><u>6.879.313.506</u></b>

6 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số đầu năm	122.175.716.690	370.336.991.355	6.799.381.129	2.747.248.972	8.437.415.713	510.496.753.859
Tăng trong năm	27.490.269.436	58.387.992.521	2.647.505.499	384.106.874	203.134.000	89.113.008.330
- Mua sắm		58.387.992.521	2.647.505.499	384.106.874	203.134.000	61.622.738.894
- Xây dựng cơ bản	27.490.269.436					27.490.269.436
Giảm trong năm	-	59.642.096.371	-	-	-	59.642.096.371
- Thanh lý, nhượng bán		59.642.096.371	-	-	-	59.642.096.371
Số cuối năm	149.665.986.126	369.082.887.505	9.446.886.628	3.131.355.846	8.640.549.713	539.967.665.818
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số đầu năm	48.078.921.639	188.428.569.182	4.417.051.592	1.674.694.471	7.970.010.299	250.569.247.183
Tăng trong năm	9.851.454.172	35.647.155.723	603.766.084	579.353.760	360.783.114	47.042.512.853
- Trích khấu hao TSCĐ	9.851.454.172	35.647.155.723	603.766.084	579.353.760	360.783.114	47.042.512.853
Giảm trong năm	-	28.251.560.294	-	-	-	28.251.560.294
- Thanh lý, nhượng bán		28.251.560.294	-	-	-	28.251.560.294
Số cuối năm	57.930.375.811	195.824.164.611	5.020.817.676	2.254.048.231	8.330.793.413	269.360.199.742
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	74.096.795.051	181.908.422.173	2.382.329.537	1.072.554.501	467.405.414	259.927.506.676
Số cuối năm	91.735.610.315	173.258.722.894	4.426.068.952	877.307.615	309.756.300	270.607.466.076

7 . Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất thuê	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Công TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu kỳ	<b>4.811.976.000</b>	-	-	<b>109.968.479</b>	<b>4.921.944.479</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>4.811.976.000</b>	-	-	<b>109.968.479</b>	<b>4.921.944.479</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu kỳ	<b>385.221.750</b>	-	-	<b>61.993.476</b>	<b>447.215.226</b>
Tăng trong kỳ	<b>96.239.520</b>	-	-	<b>31.350.000</b>	<b>127.589.520</b>
- Trích khấu hao TSCD	96.239.520	-	-	31.350.000	127.589.520
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>481.461.270</b>	-	-	<b>93.343.476</b>	<b>574.804.746</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	<b>4.426.754.250</b>	-	-	<b>47.975.003</b>	<b>4.474.729.253</b>
Số cuối kỳ	<b>4.330.514.730</b>	-	-	<b>16.625.003</b>	<b>4.347.139.733</b>

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2011  
VND

01/01/2011  
VND

<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.204.985.928,00</b>	<b>14.737.259.144</b>
<i>Trong đó:</i>		
Dây chuyền đèn halogen+ wooree vina	1.797.641.891	
Kho ngành ống Compact	6.273.731.659	
Nhà kho cạnh xưởng mộc	1.818.949.004	
Dây chuyền đèn mạ gương G63	161.103.521	
Dây chuyền đèn A15	162.787.076	
Dây chuyền lắp ráp số 11,12 + băng keo số 3	44.162.000	
Kho cạnh bãi mành	802.378.509	
Dây chuyền sản xuất đèn Metalhalide	1.071.869.497	
Kho tầng 3 Dây chuyền HQ 5	1.333.404.000	
Lắp đường nitơ trung tâm	65.980.635	
Làm thêm nhà ngành ống 2	18.295.453	
Dây chuyền 3u số 3 T4(ngành ống 2)	209.947.357	
Máy mạ gương	220.986.060	
Gương G80 - đèn tròn	175.959.989	
Máy sấy khử keo CSC	18.708.480	
Bảo dưỡng D/C đèn tròn 3	175.573.262	
Bảo dưỡng D/C HQ2	385.780.751	
Nâng cấp lò không chì	410.463.138	
Chế tạo máy vit miêng(PN)	158.512.046	
Cải tạo khâu thử sáng (2600)	5.660.000	
Đại tu lò phích 17m2	334.007.594	
Sửa chữa nâng cấp DC A50	122.660.337	
Đại tu dây chuyền duôt 2.0L	125.933.487	
Chi phí làm thang vân	19.733.000	
Đại tu may nối thân PN	28.016.326	
<b>Cộng</b>	<b>1.204.985.928</b>	<b>14.737.259.144</b>

9 . Chi phí trả trước dài hạn	01/01/2011 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/12/2011 VND
Chi phí thuê văn phòng đại diện	165.500.000	330.000.000	295.000.000	200.500.000
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.086.936.107	16.575.553.388	12.767.415.180	4.895.074.315
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn phân bổ	859.660.296	744.919.256	862.066.438	742.513.114
Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng	1.297.014.976	-	432.338.328	864.676.648
Kỹ thuật khu CN Quế Võ				
Chi phí chuyên gia Trung Quốc		33.505.600		33.505.600
<b>Cộng</b>	<b>3.409.111.379</b>	<b>17.683.978.244</b>	<b>14.356.819.946</b>	<b>6.736.269.677</b>

10 . Tài sản dài hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ký quỹ ký cược dài hạn	515.967.488	203.500.000
<b>Cộng</b>	<b>515.967.488</b>	<b>203.500.000</b>

11 . Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngân hàng (*)	627.263.313.306	494.911.226.628
Vay các đối tượng khác	108.391.015.979	54.620.292.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	21.288.498.044	14.353.902.576
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>756.942.827.329</b>	<b>563.885.421.204</b>
(*) Thông tin bổ sung		

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
<b>NH Ngoại Thương VN</b>					
- Vay USD	HĐ 110393/HĐCT D.SGD.NHNT ngày 25/07/11	Theo khé ước nhận nợ	Theo khé ước nhận nợ	63.749.672.780	Thé chấp Tài sản
- Vay JPY	HĐ 110393/HĐCT D.SGD.NHNT ngày 25/07/11			714.545.400	
<b>NH Công Thương - CN Đồng Đá</b>					
- Vay VND	HĐ số 01/2011/HĐTD-NH/RĐ ngày 20/05/2011	Thà nỗi	Không quá 09 tháng	242.122.337.893	Không có TS đảm bảo
<b>NH BIDV- CN Hoàn Kiếm</b>					
- Vay VND	HĐ01/135039/ 2011 ngày 07/06/2011	Theo khé ước nhận nợ	Theo khé ước nhận nợ	192.876.309.804	Không có TS đảm bảo
<b>NH HSBC</b>					
- Vay USD	VHN 110810 ngày 10/06/2011	Theo khé ước nhận nợ	Theo khé ước nhận nợ	40.720.119.230	Thé chấp TS

**NH ANZ**

- Vay USD

Thà nỗi

5 tháng

69.080.328.199

Thế chấp TS

**NH Quân Đội**

- Vay VND

TB hạn mức tín

Theo khế ước

Theo khế ước

18.000.000.000

Không có TS đảm  
bảo

dụng số

nhận nợ

nhận nợ

1066/MB-ĐBP

năm 2011-2012

ngày

19/08/2011

Cộng

**627.263.313.306**

**12 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**31/12/2011**

**01/01/2011**

**VND**

**VND**

Thuế GTGT đầu ra phải nộp

6.348.697.144

841.749.763

Thuế xuất, nhập khẩu

762.585.282

3.071.132.023

Thuế TNDN

7.439.300.359

-

Thuế thu nhập cá nhân

251.315.227

573.163.547

Cộng

**14.802.369.612**

**4.486.045.333**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . Chi phí phải trả**

**31/12/2011**

**01/01/2011**

**VND**

**VND**

Trích trước chi phí lãi vay

3.114.612.231

46.432.224

Trích trước chi phí khuyến mại

2.704.181.100

403.556.167

Trích trước chi phí phải trả khác

838.578.264

179.528.878

Cộng

**6.657.371.595**

**629.517.269**

**14 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

**31/12/2011**

**01/01/2011**

**VND**

**VND**

Tài sản thừa chờ xử lý

-

56.360.624

Kinh phí công đoàn

321.010.200

106.358.200

Bảo hiểm xã hội

41.250.586

-

Quỹ tương thân tương ái

2.162.099.997

1.320.323.338

Phải trả về tạm ứng

3.723.839.617

2.646.306.043

Các khoản phải trả phải nộp khác

3.305.372.016

9.609.316.462

Cộng

**10.380.380.659**

**13.738.664.667**

Công ty trích kinh phí công đoàn trên cơ sở 2% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội

15 . Vay và nợ dài hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn ngân hàng(*)	15.089.422.400	37.570.224.436
Vay cán bộ công nhân viên	41.038.762.700	29.277.753.000
Nợ dài hạn (**)	516.977.094	516.977.094
<b>Cộng</b>	<b>56.645.162.194</b>	<b>67.364.954.530</b>

(\*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
NHTMCP Ngoại Thương VN 01/RAL/DAĐT/SGDV CB ngày 13/6/08	5,5%/năm	60 tháng	13.746.480.000	9.164.320.000	
004/RAL/DAĐT/SGD VCB ngày 30/7/08	5,5%/năm	60 tháng	5.387.370.480	2.394.386.880	
01/RAL/DAĐT/SGDV CB ngày 15/12/2009	8%/năm	60 tháng	3.155.330.000	1.048.000.000	
135039/2009/HĐTDT H-RD(USD) ngày 28/07/2009	5,5%/năm	36 tháng	2.244.880.164	2.244.880.164	
135039/2009/HĐTDT H-RD(VNĐ) ngày 28/07/2009	11,5%/năm	36 tháng	4.520.735.000	4.520.735.000	
01/RAL/2010/HDTD/D TDA-SGD, ngày 20/05/2010	Thà nỗi có điều chỉnh	60 tháng	7.323.124.800	1.916.176.000	
<b>Cộng</b>			<b>36.377.920.444</b>	<b>21.288.498.044</b>	

(\*\*) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng số 01/01/PLHĐTĐ ĐTXDCB. Công ty đang làm thủ tục xin xóa khoản nợ này

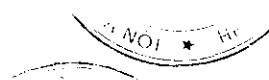
**16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
<b>1. Số dư đầu kỳ này</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>175.056.500.000</b>	<b>5.990.402.944</b>	<b>58.768.704.756</b>	<b>10.839.553.835</b>	<b>67.934.688.646</b>	<b>433.589.850.181</b>
<b>2. Tăng trong kỳ này</b>	-	-	<b>949.844.437</b>	<b>54.134.688.646</b>	-	<b>60.011.660.751</b>	<b>115.096.193.834</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	60.011.660.751	60.011.660.751
Tăng do phân phối LN	-	-		54.134.688.646	-	-	54.134.688.646
Tăng khác trong kỳ	-	-	949.844.437	-	-	-	949.844.437
<b>3. Giảm trong kỳ này</b>	-	-	<b>6.153.005.644</b>	-	-	<b>85.184.688.646</b>	<b>91.337.694.290</b>
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	85.184.688.646	85.184.688.646
Giảm khác trong kỳ	-	-	6.153.005.644	-	-	-	6.153.005.644
<b>4. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>175.056.500.000</b>	<b>787.241.737</b>	<b>112.903.393.402</b>	<b>10.839.553.835</b>	<b>42.761.660.751</b>	<b>457.348.349.725</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của nhà nước	23.643.600.000	23.643.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	91.356.400.000	91.356.400.000
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>



c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	115.000.000.000	115.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ tức năm 2009 đã chia	-	13.800.000.000
- Cổ tức năm 2010 đã chia	13.800.000.000	9.200.000.000
- Cổ tức năm 2011 tạm chia	17.250.000.000	

d. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	11.500.000	11.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	11.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	67.934.688.646	61.509.646.591
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	60.011.660.751	36.781.302.568
Trích quỹ đầu tư phát triển	(54.134.688.646)	
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	(1.839.065.128)
Trích quỹ khen thưởng	-	(3.678.130.257)
Trích quỹ phúc lợi	-	(1.839.065.128)
Chia cổ tức	(31.050.000.000)	(23.000.000.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>42.761.660.751</b>	<b>67.934.688.646</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

17 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.748.450.895.252	1.369.867.081.862
<b>Công</b>	<b>1.748.450.895.252</b>	<b>1.369.867.081.862</b>

18 . Các khoản giảm trừ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hàng bán bị trả lại	764.919.633	7.052.105.986
<b>Công</b>	<b>764.919.633</b>	<b>7.052.105.986</b>

19 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	1.747.685.975.619	1.362.814.975.876
<b>Cộng</b>	<b>1.747.685.975.619</b>	<b>1.362.814.975.876</b>
20 . Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.300.170.025.096	1.076.731.676.391
<b>Cộng</b>	<b>1.300.170.025.096</b>	<b>1.076.731.676.391</b>
21 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.611.789.167	3.936.571.106
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.544.076.125	2.210.198.871
<b>Cộng</b>	<b>7.155.865.292</b>	<b>6.146.769.977</b>
22 . Chi phí tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	104.429.816.914	49.035.227.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.281.205.426	26.866.443.356
<b>Cộng</b>	<b>128.711.022.340</b>	<b>75.901.670.891</b>
23 . Thu nhập khác	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản		144.666.364
Hoàn thuế nhập khẩu	29.593.400.897	
Tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi đất làm đường gom tại KCN Quế Võ		554.717.800
Thu nhập khác	130.776.097	4.300.000
<b>Cộng</b>	<b>29.724.176.994</b>	<b>703.684.164</b>
24 . Chi phí khác	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Xử lý hàng bán không thu hồi được	225.242.217	
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	31.390.545.077	
Xử lý công nợ tồn đọng	15.366.794	
<b>Cộng</b>	<b>31.631.154.088</b>	<b>-</b>

**25 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	80.015.547.668	49.051.736.757
Điều chỉnh tăng/giảm các khoản thu nhập chịu thuế	-	30.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>80.015.547.668</b>	<b>49.081.736.757</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.003.886.917	12.270.434.189
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>20.003.886.917</b>	<b>12.270.434.189</b>

**26 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.011.660.751	36.781.302.568
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>60.011.660.751</b>	<b>36.781.302.568</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.500.000	11.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.218</b>	<b>3.198</b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC

### 1 . Những khoản nợ tiềm tàng

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông hiện nay còn khoản phải thu về tiền hàng xuất khẩu sang thị trường Cuba, với tổng số dư tại 01/01/2011 là 72.388.667.930 VND, tại 31/12/2011 là 31.744.325.756 VND. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, khoản công nợ này chắc chắn thu được nhưng sẽ bị kéo dài, do vậy, Công ty không trích lập dự phòng đối với khoản thu này, không tính lãi cũng như không đánh giá lại chênh lệch tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/2011.

### 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

### 3 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

### VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty lựa chọn Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là báo cáo chính yếu

#### 1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo chính yếu)

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	501.385.183.149	223.442.735.418	1.696.026.687.260	<b>2.420.854.605.827</b>
2. Trong đó DT thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			(673.168.630.208)	<b>(673.168.630.208)</b>
3. Khấu hao và chi phí phân bổ			47.170.102.373	<b>47.170.102.373</b>
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.629.228.588	7.892.228.136	53.401.068.038	<b>81.922.524.762</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			1.204.985.928	<b>1.204.985.928</b>
6 Tài sản bộ phận bỗ	81.197.712.540	28.632.111.356	1.290.121.170.633	<b>1.399.950.994.529</b>
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>-</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	1.649.327.862	4.084.441.987	936.868.874.955	<b>942.602.644.804</b>
9. Nợ phải trả không phân bổ				<b>-</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>942.602.644.804</b>

#### 2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (báo cáo thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày theo nhóm sản phẩm của Công ty

Chỉ tiêu	Bóng đèn	Phích nước	Khác	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.253.578.644.518	388.935.028.235	105.172.302.867		<b>1.747.685.975.619</b>
Tài sản bộ phận				1.399.950.994.529	<b>1.399.950.994.529</b>

### IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Người lập biểu

Chu Thị Khuyền

Kế toán trưởng

Hoàng Trung

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đoàn Thắng